**Mẫu số 04D**

**KẾ HOẠCH/BÁO CÁO  
THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN**

|  |
| --- |
| **A. Mô tả dự án** |

A.1. Tên dự án

|  |
| --- |
|  |

A.2. Thông tin chung của dự án

|  |  |
| --- | --- |
| Số tham chiếu |  |
| Ngày đăng ký | .../.../... |
| Thời gian giám sát | Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../... |

|  |
| --- |
| **B. Đóng góp cho phát triển bền vững** |

B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững

| **TT** | **Các mục** | | **Không xác định** | **Đã xác định** | **Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định”** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Báo cáo đánh giá tác động môi trường | Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường | □ | □ |  |
| 2 | Kiểm soát Ô nhiễm | Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh | □ | □ |  |
| 3 | Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước | □ | □ |  |
| 4 | Xảy ra phát sinh chất thải | □ | □ |  |
| 5 | Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung | □ | □ |  |
| 6 | Xảy ra sụt lún đất | □ | □ |  |
| 7 | Xảy ra mùi xung quanh | □ | □ |  |
| 8 | An toàn và sức khỏe | Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động | □ | □ |  |
| 9 | Môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học | Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ | □ | □ |  |
| 10 | Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái | □ | □ |  |
| 11 | Giới thiệu các loài ngoại lai | □ | □ |  |
| 12 | Tác động môi trường trong khi xây dựng | □ | □ |  |
| 13 | Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu | □ | □ |  |
| 14 | Kinh tế | Giảm năng lực lao động địa phương | □ | □ |  |
| 15 | Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương | □ | □ |  |
| 16 | Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương | Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án | □ | □ |  |
| 17 | Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ | □ | □ |  |
| 18 | Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột | □ | □ |  |
| 19 | Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại | □ | □ |  |
| 20 | Vi phạm điều kiện làm việc quy định | □ | □ |  |
| 21 | Công nghệ | Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ | □ | □ |  |
| 22 | Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có | □ | □ |  |

|  |
| --- |
| *Đánh dấu vào từng ô “Không xác định” hoặc “Đã xác định” tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô “Đã xác định” được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động “Đã xác định”.* |

B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế … cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:

|  |
| --- |
|  |